



• Vạn

Svastika^P - Swastika - Hình chữ thập có đầu quay về một phía (*tiếng Phạn Svastika có nghĩa là sự cứu rỗi*) - salut - điềm tốt (*bon augure*) biểu tượng cổ xưa bằng hình thù chữ thập có dấu (*croix gammée*) mà người ta đã tìm thấy nơi các xứ ở hai bán cầu và từ thời đại đầu lịch sử. Nó tạo thành bằng góc vuông bốn chữ cái Hy Lạp (*gamma*). Khi những nhánh nó quay về phía phải là phía thượng, biểu tượng của lửa từ thiện, phía trái gọi là Sauwastika (*điềm xấu*). Cái di tích này chắc thời xa xưa đã có một ý nghĩa về mặt trời. Có thể nó có nguồn gốc là chữ thập xứ Basque (*Pháp*) mà người ta tìm thấy nó ở mọi nơi trừ nơi người Do Thái và Hồi giáo*, thế nên nó đã được chọn vào thế kỷ XIX tại Đức quốc bởi một nhóm bài Do Thái, rồi sau bởi Hitler như là biểu tượng chống thần thánh hóa Chúa Jésus* (*không nhìn nhận Christ* là Ngôi Hai**). Đó là những gì được tìm hiểu của người Tây phương. Trong khi đó thì tại Đông phương*, hình chữ Vạn Sauwastica (*quay về phía trái - ngược lại với chữ vạn của Phật*) lại có một ý nghĩa khá huyền vi hơn và ngược lại với Tây phương. Hai dòng tư tưởng Trung Hoa và Ấn Độ đã gặp nhau tại một

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

điểm này. Đó là chữ Vạn của truyền thống thần bí trong kinh Vệ Đà* trùng hợp với hình Ma phương của Hồng Phạm Cửu Trù* trong Lạc Thư* của Trung Hoa. Cả hai đều xuất phát từ một hình đồ giải thích bằng những con số 1-2-3-4-5-6-7-8-9 mà mỗi con số như vậy mang theo một ý nghĩa giải thích hiện tượng nhân sinh và Vũ trụ. Đặc biệt con số 5 biểu thị sự sinh hoạt của con người, cả hai đều đặt ở trung điểm của chữ Vạn mà những nhánh nhô ra đã quay về phía trái y như chữ Vạn mà Cao Đài giáo* đã sử dụng theo lệnh Vô hình từ 1926 mà các cơ sở Vô Vi cũng như Phổ Độ cùng kinh sách đều có. Như vậy, chữ Vạn Đông phương đã có từ Thượng Cổ cũng có nghĩa là thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, vẫn còn có ý nghĩa đạo học* trong tư tưởng tôn giáo* Á Đông theo cùng một ý nghĩa của khái niệm về Vũ trụ quan và Nhân sinh quan mà cả hai trào lưu tư tưởng từ Trung Hoa (*cách đây trên 4000 năm*) đến Ấn Độ (*cách đây khoảng 3000 năm*) tự nhiên lại trùng hợp trong tinh thần xây dựng cuộc sống chung và hiện lại được truy dụng làm biểu tượng trong Cao Đài giáo, như thế chính là sự nối tiếp công cuộc cứu rỗi loài người mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ* đã thực thi tinh thần Thiên Địa Vạn Vật Nhứt Thể* và Vạn Giáo Nhứt Lý* đã có từ nghìn xưa vậy. Khi các Thánh Thập* Cao Đài* hay các kinh sách có hình chữ Vạn làm biểu tượng vào thời Pháp thuộc, người Pháp đã cho Cao Đài giáo thân Đức quốc xã và ra lệnh triệt hạ. Người Cao Đài* không hề có thái độ chống đối bởi lẽ rất đơn giản là họ chỉ vâng lệnh của Vô hình, chứ chính họ cũng không hiểu tại sao lại dùng biểu tượng ấy. Có người nói là mượn của Phật, nhưng chữ Vạn của Phật lại quay ngược lại (*phía phải*) chỉ có ý nghĩa riêng với các tăng ni mà thôi... (*Muốn rõ hơn xin xem sách Tìm Hiểu Căn Bản Triết Học Cao Đài và bộ Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài giáo của soạn giả Đồng Tân*).

• Vạn Giáo Nhứt Lý

L'Unité des Principes Doctrinales^F - The Unity of Doctrinal Principles^A - 萬教一理 - Trong tinh thần truyền thống các dân tộc, Trung Hoa có Thiên Địa Vạn Vật Nhứt Thể*, Ấn Độ có công thức Tat Tvam Asi, Hy Lạp (*Socrate**) có châm ngôn tiếng Pháp dịch là Connais-toi toi-même, cả ba đều bao hàm một tông chỉ đi tìm sự đồng nhất của Con

Đồng Tâm

người với Vũ trụ. Đó là sự thể hiện tính Vũ trụ nơi con người mà các triết gia* thế giới không thể phủ nhận tính đồng nhất đó. Tuy nhiên, khi đi vào phân giáo hóa để diễn giải cho ra cái thể đồng nhất đó, về lý thuyết đã có một số các tôn giáo* hữu thần đi đầu trong công cuộc khai thông những bế tắc trên quan điểm dị đồng về Vũ trụ, tính đồng nhất nơi con người lại do trình độ dân trí của mỗi tư phương hay nói cho đúng là của từng quốc gia, với nền văn hóa cổ hữu, trước môi trường nhân sinh chuyển dịch khác nhau mà nảy ra những luận cứ giáo thuyết triết học* khác nhau. Từ đó đòi hỏi con người phải tìm lại tính đồng nhất trong tư tưởng của con người về cái thể vạn vật đồng nhất trên đây. Tình trạng phân hóa đến nỗi các tôn giáo* học thuyết chống đối nhau, kỳ thị nhau, mỗi bên đều giành phần hơn, phần phải cho riêng mình mà quên đi rằng các giáo chủ* không hề nói đến cái "ta" của mình mà luôn luôn nói đến cái đại thể của loài người, cho dù loài người của các ngài chỉ thu lại trong tư phương lãnh thổ mà các ngài đang sống không hề đặt cái "ngã chấp" trong lời dạy, bởi nếu có những lời ấy trong kinh điển thì chỉ toàn là những lời của đệ tử nói ra mà thôi. Cho dù người đời sau xưng tụng họ là các Thánh nhân* (của Cơ Đốc) hay Bồ Tát* (của Phật) hay Tiên Nho (của Nho giáo*)... thì cũng là những người có mức độ hiểu biết hạ cấp (đối với các giáo chủ) nên dễ thường muốn đề cao bậc thầy của mình, càng cao bao nhiêu so với ngoại giáo thì càng có giá trị bấy nhiêu. Do đó đi tìm cái Nhất lý của vạn giáo mà cứ mò mẫm trong kinh điển cựu giáo* thì thật là một cuộc phiêu lưu vô vọng. Cho nên người Cao Đài giáo* khi đi tìm cái Nhất lý của Vạn giáo thì đã nhận chân sự Nhất thể của Vạn vật để từ đó suy ra tính Quán nhất chấp trung* của nó. Trong tinh thần và đứng trên lập trường đó, người Cao Đài* tìm cái Nhất lý của Vạn giáo trong Thánh ngôn* của Đấng Cao Đài đã dạy qua cơ bút* bằng những thể hiện mà các tôn giáo trước ở Nhị Kỳ Phổ Độ* không có. Qua đó, Đức Cao Đài cho thấy Đại Đạo* lần này khai sáng sự cứu độ* là lần thứ ba, hay nói cách khác là chu kỳ thứ ba mà trước đó đã có hai chu kỳ cứu rỗi nhân loại rồi (xem Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ*). Tuy nhiên, để cụ thể hóa tính Nhất lý của Vạn giáo đó, Đấng Cao Đài* đã chỉ dạy việc sử dụng đồng tử*, người thông công với thế giới Vô

hình vốn đã có trong công trình khai hóa xã hội lịch sử loài người (ở Trung Hoa với vu nghiênn*, ở Hy Lạp với Pythie* và ở Ấn Độ với Rishis*) không phải là thành phần mê tín dị đoan* như người phàm nông cạn đề ra bởi họ không biết thế giới Vô hình là gì! Cho nên, khi người đồng tử được gọi là minh tức là có mức độ tâm linh cao thì mới tiếp được Thiên điển tự trên Trời*. Và lời dạy của Vô hình trong trường hợp đó là phản phản ảnh cái chân lý Vũ trụ mà người thường không hề biết đến. Như vậy thì câu châm ngôn: "Anh hãy tự biết anh đi rồi anh sẽ biết được Vũ trụ" (*Connais-toi toi-même et tu connaitras l'univers*) của Hy Lạp quả là câu tiên phong của nhân loại trên bước đường đi vào chiều sâu của Vũ trụ (tức là cái Đạo) mà Cao Đài giáo đang thực thi điều đó. Nói thế cũng có nghĩa là khi con người biết mình là ai, có sứ mạng* gì trong Vũ trụ thì họ đã thấy rõ cái Nhất lý trong Vũ trụ là một khối đại đồng* trong đó nhân thân* là mẫu dung hợp* thích nghi vậy.

• Vạn Pháp Cung

萬法宮 - Tên một cung ở cõi Kim Thiên* (tầng Trời thứ 4 trong 12 tầng Thập Nhị Khai Thiên*).

• Vạn Pháp Qui Tông

萬法歸宗 - Tên một cuốn sách của Minh Sư* nói về quyền pháp Vô hình ở bên kia thế giới được truyền từ đầu thế kỷ XX lại đây. Có người kể lại đức Ngô Minh Chiêu* đã có xem cuốn sách ấy và thử dùng phép trong đó để triệu Quỷ Vương. Quả nhiên có ứng nghiệm sự thật.

• Vatican

Một đất Da Tô giáo* đã trở thành một quốc gia độc lập từ những thỏa ước Latran (1929) giữa chính quyền nước Ý Đại Lợi và Giáo hoàng*. Đây là cơ sở triều nghi của Giáo hoàng với tất cả triều thần giáo hội, những cơ quan hành chánh và tư pháp. Các đền đài khác phụ thuộc vào Tòa Thánh như Đền thờ Saint Jean de Latran và cơ sở nghỉ hè Castel Gaudalfa cũng thuộc quốc gia Vatican. Diện tích 525 mẫu tây (ha).

• văn chương

littérature^F - *literature*^A - 文章 - Nghĩa đen là lời lẽ văn tự tốt đẹp viết ra thành bài. Nhưng văn

chương ngày nay đã trở thành những thể hiện tính tình của con người qua từ ngữ và câu văn hay câu thơ mà bỏ đi cái nghĩa đẹp đẽ của nó. Đó là sự sa đọa mà văn chương đã đưa vào cuộc sống như con thiêu thân của xã hội loài người, sự đen tối của tâm hồn qua văn tự. Cho nên, danh từ này không còn được dùng đúng nghĩa nguyên của nó nữa. Sách Chung Quanh Vấn Đề Thi Nhân* của Đồng Tân cho biết trong xã hội loài người từ xưa nay, văn chương luôn luôn đi song hành với triết học* để trình bày nó và khoa học* để luận giải nó. Nhưng bao giờ văn chương cũng có một sắc thái linh động hơn qua những tư tưởng tiên khởi của các Văn nhân Thi sĩ có công trình sáng tạo mà lịch sử nhân loại đã ghi công như một Lý Bạch ở Trung Hoa, một Tagore ở Ấn Độ, một Victor Hugo* ở Pháp, hay một Whitman ở Hoa Kỳ, một Leon Tolstoi* ở Nga. Theo đó, văn chương là phần thể hiện giác thức* sinh hoạt* của loài người, luôn luôn điều hòa với triết học và khoa học trong công trình kiến tạo một xã hội loài người đi đến chân thiện mỹ mà văn chương chủ trì phần mỹ, trong khi đó thì triết học chủ trì phần chân, còn khoa học chủ trì phần thiện. Xã hội ngày nay trong tình trạng điên loạn bế tắc chỉ tại ba nguyên lý xây dựng trên đây bị lệch theo ngã nhon đục bất chính: văn chương thì chạy theo thị hiếu tội lỗi, triết học thì chạy theo duy vật tà vạy, còn khoa học thì mưu sự chết người hơn là cải thiện đời người. Cho nên phải có một cảnh tỉnh toàn diện ba lĩnh vực trên đây thì mới mong cứu vãn cuộc sống nhân loại được (xem Tam Nhân).

• văn hóa

culture^F - culture^A - 文化 - Theo các học giả Tây phương thì văn hóa là sự thành hình xã hội và trí tuệ của một cá nhân (*chữ culture cũng cùng gốc với chữ culte và hàm ý một sự tôn trọng tôn giáo của truyền thống*). Văn hóa còn phân biệt nhiều loại văn hóa, theo nghĩa này thì mỗi xã hội có những tổ chức riêng biệt diễn tả đại thể cái quá khứ tinh thần của nó. Nhưng ý niệm văn hóa luôn luôn giữ một ý nghĩa qui nạp và là đồng nghĩa với nhân bản. Người ta không hề nói đến văn hóa man rợ (*văn hóa ăn thịt người hay văn hóa quân sự thiết lập trên bạo lực*) mà là nền văn hóa Ấn Độ hay Trung Hoa được diễn tả trong những phong tục được văn minh hóa cũng như trong sự thu đạt

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

văn hóa đơn thuần (*văn học, triết học*, khoa học**). Nói tóm lại, văn là vẻ đẹp, hóa hàm ý sự tấn hóa nên từ văn hóa tự nó có ý nghĩa sự tấn hóa cao đẹp đã có trong xã hội loài người (*lẽ dĩ nhiên các loài động vật khác không có*) mà dùng bạo lực mù quáng để gây thù hận trong dân chúng như Mao Trạch Đông với trò *cách mạng văn hóa* 10 năm 1966-76 ở Trung Hoa đã sát hại khoảng 7,7 triệu người và 1,5 triệu người khác chết vì đói khát và xung đột dân sự, tổng cộng khoảng 9,2 triệu người chết (*theo nhà nghiên cứu Rudolph Rummel*) mà tự xưng là *cách mạng văn hóa* thì quả là chỉ bọn ngu dốt cuồng tín* giáo điều* tam vô tự xem mình như thú cầm mới nhần tâm như vậy. Chủ nghĩa cộng sản* tự tung ra một thứ văn hóa loạn xạ tràn lan trong cái xã hội thú vật của họ mà nơi đâu và cái gì cũng tự nhận là văn hóa làm cho mất nghĩa tấn hóa cao đẹp của nó đi.

• văn hóa chủ nghĩa

culturisme^F - culturism^A - 文化主義 - Sau cuộc thế chiến thứ 2, một số nhân sĩ trên thế giới thấy sự bi thảm của chiến tranh nên đề xướng văn hóa* chủ nghĩa để đối lập với quân quốc chủ nghĩa thực dân dùng bạo lực lên án các quốc gia khác.

• Văn Hóa Sử Cao Đài

Histoire Culturelle du Caodaisme^F - Cultural History of Caodaism^A - 文化史高臺 - Vấn đề tín ngưỡng* thờ phụng* sinh hoạt của một tôn giáo* tạo thành nếp sống của tôn giáo đó, hay nói tổng lại là nếp sống văn hóa* của tôn giáo. Sách Văn Hóa Sử Cao Đài do Đồng Tân biên soạn năm 1976 tại nông trại Láng Dài trong thời gian đi tản sau biến cố 1975, do sự khải thị* trực tiếp. Nội dung gồm sự giải thích các hiện tượng Cao Đài* qua hai phần Vô Vi và Phổ Độ* riêng biệt với những thành tích học đạo* và thành đạo của các tín hữu cùng những sự tìm hiểu ý nghĩa các nghi thức lễ lạt hay tông chỉ mục đích của Cao Đài giáo*. Đặc biệt có những mẩu chuyện về sự xuất hồn của những tín đồ khi hấp hối cho biết căn bản giáo thuyết của nền Tân giáo một cách cụ thể không như các huyền thoại và giả tạo do các cựu giáo* bày ra trong kinh điển xưa.

• Văn Học Cao Đài

Đồng Tân

La Littérature Caodaique^F - The Caodaist Literature^A - 文學高臺 - Tác phẩm của Đồng Tân ghi lại những tác phẩm được lưu hành trong Cao Đài giáo* có giá trị văn học. Sách gồm hai phần: văn chương Thần Thánh gồm những bài Thánh ngôn* có tính cách giáo dục môn đồ và văn chương thể nhân gồm những bài thi hay văn do người Cao Đài* sáng tác từ 1926 đến 1985, suốt trong 60 năm. Tác giả các tác phẩm này gồm nhiều thế hệ trải dài các chế độ quốc gia từ Pháp thuộc, Nhật thuộc, Mỹ thuộc rồi Nga thuộc, nhưng văn liệu bao giờ cũng chỉ phản ánh tâm hồn và đức tin* của người tín đồ ngoan đạo với cảm hứng dồi dào siêu nhiên gồm tất cả các văn nhân thi sĩ khắp các chi phái* trong đạo.

• văn minh

civilisation^F - civilisation^A - 文明 - Tổng hợp những tính chất đặc biệt nơi các xã hội tiên tiến. Khái niệm của văn minh gọi ra trước tiên một trạng thái nào đó của nền kỹ thuật. Người ta phân biệt những nền văn minh của thời đại đồ đá, nền văn minh của thời đại đồ sắt và hiện nay là thời đại văn minh của thời đại than và cuối cùng là thời đại văn minh nguyên tử (*hạt nhân*) tiếp theo một hình thức nào đó của nền văn hóa* (ví dụ nền văn minh Hy Lạp). Với hình ảnh của cá tính nhân loại, nền kỹ thuật tạo nên hình thể của một nền văn minh, văn hóa biểu thị linh hồn* của nó. Khái niệm nền văn minh luôn luôn giữ ý nghĩa đại đồng* và qui phạm: sự tiến bộ của nền văn minh hàm ý vừa một sự tiến bộ kỹ thuật, theo đó con người là chủ của thiên nhiên, vừa sự tiến bộ xã hội và luân lý trong chiều hướng của sự giải phóng các dân tộc nô lệ, của một xã hội không chiến tranh, không giai cấp và nhất là trong chiều hướng của sự biến đổi những dân tộc chậm tiến để họ được tiến bộ, bởi con người trước tiên phải sinh nhai trước khi cống hiến thì giờ vào sự bồi luyện văn hóa. Sự tiến bộ của nền văn minh không phải quan niệm trong lĩnh vực văn hóa dưới hình thức của một sự cai trị của nền văn hóa Âu châu trên các nền văn hóa khác (*Phi châu, Á châu hay Mỹ châu*) nhưng dưới hình thức "trao đổi", nhờ đó các cá tính văn hóa tự hiểu và tự tạo nên phong phú chung (*xem văn hóa**). Trong hiện tình nhân loại, hai chữ văn minh được hiểu theo nghĩa hào nhoáng sa đọa, cái chánh nghĩa

của nó đã không còn nữa bởi con người ngày nay chỉ còn thấy cái tác dụng của vật chất mà thôi. Nhưng xét lại lịch sử nhân loại đã có bao lần sức mạnh tinh thần có thể làm sáng sửa cả một thời hay khuynh đảo cả một bạo lực như thời đại Cổ Trung Hoa với nền cộng hòa ngay trong lòng đế quốc nhà Chu do các Tể tướng Chu Công và Thiệu Công* thiết lập (841-825 trước Tây lịch), mang lại sự sáng sửa của nước Trung Hoa với nền cộng hòa thời đó hoặc sự chiến bại Sparto do Athènes (404 trước Tây lịch) đã thống nhất nước Hy Lạp khỏi chế độ hạo chiến quân phiệt và đem lại nền thanh trị quốc gia Hy Lạp. Đó là những thành tích của văn minh nhân loại theo đúng nghĩa của nó. Cao Đài giáo* theo tông chỉ và mục đích đã nêu ra đang tạo một thể chủ động cho loài người đi tìm cái văn minh chân chính phục hồi nhân tính trên căn bản tâm linh mà nền văn minh vật chất ngày nay đã đánh mất đi để lại cảnh đại đồng vô biệt*, vốn là nguyên lý trường tồn của Vũ trụ là trọng tâm của đạo đức*, của tinh thần mà nhân loại trải qua thời Thượng nguyên* Thánh đức đã có từ ngàn xưa.

• Văn Vương nhà Chu (? -1113 trc TL)

文王 - Tên là Xương, con ông Chu Công Quý Lịch, được vua Đế Ất nhà Ân triệu làm Tây Bá năm 1185 trước Tây lịch, bị vua Trụ* cầm tù ở Dữu Lý (1144 trước Tây lịch). Năm sau, ông diễn Kinh Dịch* (*nên gọi là Chu Dịch*). Đến năm 1134 trước Tây lịch thì ông mất, không có Đế hiệu (*chỉ làm chức Tây Bá chứ không làm vua*). Kế nghiệp là Thế tử Phát, tức Vũ Vương*.

• vận

運 - Sách Hoàng Cực Kinh Thế gọi vận là mười hai thế*. Mỗi thế ba mươi năm nên một vận là 30x12=360 năm để từ đó tính ra hội* và nguyên* hay nguyên (*theo Thiệu Châu - Hán Việt tự điển*).

• vận mệnh

fatalité^F - fatality^A - 運命 - Sự cố đến với một cá nhân trong đời sống của họ hoặc cho một tập thể xã hội trong cuộc sống chung như một hiện tượng đã lập định trước mà các tôn giáo* cho là do số kiếp* (*đạo Chúa, đạo Cao Đài**) hay do chư pháp (*đạo Phật*) đã định trước mà ra. Theo Đạo học* Đông phương* thì ai cũng tin vận mệnh đã khiến

cho con người sang nghèo sướng khổ khác nhau, cũng như vận mệnh đã khiến cho các dân tộc khi suy vong khi hưng thịnh tiếp nối nhau không ngừng, nhưng không giải thích nào hoàn toàn thích hợp trước tính đa dạng của cuộc sống con người.

• vận mệnh luận

fatalisme^F - fatalism^A - 運命説 - Chủ nghĩa hay thái độ cho rằng tất cả những sự kiện đều như đã báo trước một cách không chối cãi. Vận mệnh luận là một thái độ tôn giáo* liên quan đến những sự kiện của đời người. Nó khác với định mệnh thuyết* đem đến cho người những sự kiện thiên nhiên và là một nguyên lý khoa học*. Trong khi định mệnh thuyết khoa học lại chống với vô định mệnh thuyết (sự bất định của các hiện tượng thiên nhiên) thì vận mệnh luận lại chống sự tự do* của con người, theo đó, sự hiện hữu đã được báo trước theo một quy luật nào đó bởi một vận mệnh* không tránh khỏi. Phần nhiều các chủ thuyết Cổ Hy Lạp thừa nhận rằng cùng một nhu cầu (*anagkê*) tác dụng trên đời sống con người và đời sống thần linh*. Vận mệnh luận đại cương này luôn luôn hiện diện trong các bi kịch Hy Lạp, nơi mà tấn bi kịch được xác nhận cụ thể bởi sự yếu đuối về ý chí* của con người đối với số kiếp* (ví dụ vua *Oedipe* của *Sophocle*), người ta tìm thấy cội nguồn từ căn bản của nền triết học* khắc kỷ. Tất cả các lý thuyết của Cơ Đốc giáo* về lẽ tiền định (*la prédestination*) đã hy sinh sự tự do cho Thiên mệnh*. Vận mệnh hay sự tự do? Chúng ta hãy cho rằng số kiếp là đối tượng của lòng tín ngưỡng* và vận mệnh luận là một thái độ thuộc cảm tính, một giả thuyết đơn thuần trong khi đó thì sự tự do là một dữ kiện của ý thức, hiện diện trong kinh nghiệm của ý chí, tại đó, quyền tự do của chúng ta thực hiện một điều mà nếu không có sáng kiến của nó thì không thể thực hiện được. Thật không phải là sự ngẫu nhiên nếu trong nền triết học kinh viện vận mệnh luận bị xem như là một luận cứ chèn chắn (*un argument parresseux*).

• vật

matière^F - matter^A - 物 - Chất có kích thước, phân tích được, có trọng lượng và có thể mang những hình thù khác nhau. Chính theo nghĩa này mà

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Aristote* đã định nghĩa vật chất như một thực thể tiềm tàng (*réalité potentielle*). Vấn đề tính chất của vật là vấn đề của khoa học* (đặc biệt là khoa vật lý). Vấn đề căn bản của triết học* là vấn đề của tính chất trí não (*theo Bergson**); những lĩnh vực tương ứng với khoa học và triết học do đó vẫn còn hoàn toàn khác biệt và cố định và như thế rất khó mà lẫn lộn được. Bản Thể Luận* có ghi rằng Vật là phản đối nghịch với Tâm* trong tiến trình sáng tạo Vũ trụ ban đầu và đi từ Thực Thể* đến Trí Thể* bằng những mô thể* chu lưu cùng khắp Vũ trụ, từ bao la của tinh vân đến tế vi của nguyên tử cũng đều có nó trong cuộc sống trường tồn của Vũ trụ, trong đó có sinh vật mà hàng thượng đẳng là con người.

• vật cạnh thiên trạch

sélection naturelle, concurrence vitale et le choix de la nature^F - natural selection, the vital concurrence and the choice of nature^A - 物競天擇 - Vạn vật cạnh tranh nhau, thứ nào thích nghi với môi trường sống thì còn, không thích nghi thì chết. Hàm ý sự chọn lọc thiên nhiên không khủng khiếp với những vật đi ngược lại cuộc sống chung.

• vật hy sinh

*sacrifice^F - sacrifice^A - Lễ hiến dâng lên Thần linh** kèm theo nhiều nghi thức và thường đặt bên một bàn thờ*. Thường là sự kèm thúc hay phá hoại theo nghi lễ một động vật sống hay bất động. Trong tôn giáo* cổ xưa thì vật hy sinh thường có, đúng hơn một sự giết chóc kèm theo lễ lạt. Các vật hy sinh thường được chọn trong số những tù nhân. Trong các luật của Thánh Moïse*, các lễ thiêu vật hy sinh không còn để lại một dấu tích gì cả sau lễ. Người ta phân biệt các lễ vật hy sinh cống hiến Chúa, một hành vi ân huệ hay chuộc tội. Các tôn giáo ở Thượng Cổ cũng như các tôn giáo lớn Mỹ Ấn hiến dâng rất nhiều vật hy sinh đầy máu trong đó có người. Tại Ấn Độ, vật hy sinh cũng là tính chất của sự thờ phụng* và tự nó là vật linh thiêng, giá trị thuộc siêu hình. Trong kinh Vệ Đà*, vật hy sinh Soma là sự nâng đỡ cho thế giới và mang tính sáng tạo khi nó hoàn thành theo lễ nghi*. Đây là một lễ hiến dâng Chúa bằng hỏa thiêu. Nó chỉ được hoàn thành bởi một tăng sĩ Bà La Môn*. Ấn Độ giáo* thì còn giữ vật hy sinh nhưng với cách đơn giản hơn, nhất

Đồng Tân

là lễ Kali tuyên lễ vật hy sinh trong những cuộc hành hương* đến Mecca*. Nơi người tiền sử, vật hy sinh là những vật sống, vật thay người và phải theo một nghi lễ rất trọng thể, máu chảy có một sứ mệnh lớn lao; vật hy sinh được chọn lựa kỹ lưỡng bởi những đặc tính của nó, được dâng lên Thần linh* và thường được chia sẻ trong bữa ăn chung trong một giai tầng đã định, mục đích là làm cho sống lại những đức tính của vật hy sinh còn gọi là Mana. Lễ hiến vật hy sinh là một sự kiện xã hội đồng thời cũng là tôn giáo. Nó là nguồn sống, thế nên nó thường liên kết với các nghi lễ về sự trù phú. Vật hy sinh - hiến cúng* (*sacrifice - don*) chứng tỏ một độ lượng hiếm có: vật đã hy sinh hoàn toàn hiến dâng cho Thần linh đôi khi bị liệng xuống nước, nhưng thường thì bị thiêu trên giàn hỏa và làn khói sẽ bay lên trời (*nơi Thần linh ở*). Lễ cúng thường gồm có một nơi dành sẵn, một người phụ trách và những dụng cụ. Theo thời gian, bất cứ lễ nào cũng có những lễ nhập, lễ hành động với hiến cúng và lễ xuất.

• Vật thể

Atome matériel^f - Material atom^A - 物體 - Danh từ của Đồng Tân dùng trong sách Bản Thể Luận* để miêu tả nguyên tử theo nghĩa khoa học* hiện đại. Bởi theo Đồng Tân thì phần vô hình cũng có những phần nhỏ nhất của nó gọi là Tâm thể* mang đặc tính không khác Vật thể trong sự cấu tạo các hiện tượng Vũ trụ cũng như con người. Khoa học dù tiến bộ đến đâu cũng chỉ khám phá những gì liên quan đến Vật thể từ nguyên tử mà rất khó khám phá được Tâm thể bởi nó vượt ra khỏi tầm quan sát của các dụng cụ khoa học cũng như nhãn giới và thức giới của con người.

• Vedanta

Vedanta^P - Tiếng Phạn nghĩa là cuối cùng kinh Vệ Đà*. Một trong sáu hệ thống (*chính thống nhất*) của các lập luận Bà La Môn giáo*. Cũng danh từ này chỉ tập hợp những lý thuyết độc thần diễn tả trong những Vedanta hay Brahma* Sutra gán cho hiền triết* Badarayana, tóm tắt và phối hợp những khuynh hướng khác nhau của kinh Vệ Đà và kinh Upanishad. Đó là một sự hoàn thành Bà La Môn* có ý đồ chống đối những hệ thống và những phản đạo đã nảy nở quanh kỷ nguyên Cơ Đốc. Nhiều

nhà tư tưởng gắn liền với sự giải thích các đề tài khó khăn này. Bộ lớn nhất là Cankara đã đem đến đích tối thượng những đề án đã trình bày trong Upanishad. Bộ này xác nhận một thái độ vô nhị nguyên (*non - dualisme*) L'advaita trong đó cái ngã* (*le soi*) cái chân (*atman**) đồng hóa với cái ngã hay cái chân lý* tối cao (*la Brahman**). Maya cho phép chấp nhận sự bề ngoài của thế giới đa dạng. Trong số những nhà bình luận, Ramanya chấp nhận một nhất nguyên luận* ít hạn hẹp hơn. Madhva (*thế kỷ XIII*) không sử dụng thuyết này, lại nhìn nhận một nhị nguyên luận*. Tất cả những người Vedanta đều đồng tình với mục đích cuối cùng là sự du nhập trong Brahman (*Tâm linh Vũ Trụ*) và hiện nay họ vẫn cầm đầu Chính thống Ấn Độ giáo*.

• Vệ Đà

Le Veda^F - The Veda^A - Kiến thức Thần linh*. Kinh thiêng của Ấn Độ do người Aryen đem lại cho các dân tộc tự trị mà họ nhiễm dần dần những tín ngưỡng* để hoàn hảo tín giáo của họ (*xem Bà La Môn giáo*). Kinh Vệ Đà là những bài Thánh ca viết bằng tiếng Phạn cổ của thế kỷ XII đến thế kỷ thứ V trước Tây lịch, nhưng chúng đã được thảo ra từ lâu và giữ lại theo truyền khẩu với người Bà La Môn*, nơi cất giữ nền khoa học* thiêng liêng*. Chúng gồm 5 tập hay Samhita vốn đã được khai thị* bởi Brahma* qua các thông công Rishis* hay hiền nhân: đó là Cruti hay khai giáo. Kinh Vệ Đà, khoa học tam diện chia ra: Rigveda hay Thánh Caveda, Yajurveda, các công thức hiện cũng gồm có hai loại: Yajur-veda đen và Yajurveda trắng; Samaveda hay veda của các ca khúc. Kinh Vệ Đà thứ tư hay Atharvaveda thì gồm các bài thiên văn và thần bí cùng những bài cầu đảo. Kinh xưa nhất và quan trọng nhất là kinh Rigveda Vệ Đà giáo hay Vệ Đà chủ nghĩa gồm một thần thoại* đa dạng, một thiên văn đã khảo tra, một nền nghi lễ, những lễ lạt long trọng và có một tầm quan trọng lớn lao cho sự thờ vật hy sinh*. Các kinh Vệ Đà luôn luôn được bình luận giải thích và bổ túc bởi các tác phẩm triết học* khác nhau như kinh Brahmana*, Aranyaka, Upanishad, Purana cách thế nào mà nền Vệ Đà giáo cổ xưa trở thành Bà La Môn giáo rồi Ấn Độ giáo*. Vệ Đà giáo thuần túy Ấn Độ là một trong những hình thức tôn giáo* xưa cũ nhất đã

được biết mà nền tảng Aryen trình bày những khái niệm căn bản có thể so sánh với những tôn giáo của các dân tộc Ba Tư: một nền Nhị nguyên thuyết (*Thần linh* và ma quỷ*) có tính chất sẽ tiến hóa, một lối thờ Thần Lửa (*Agni*), một chất nước thiêng (*soma*), một nghi lễ mà ảo thuật chiếm phần lớn, sức mạnh qua các lễ hiến vật hy sinh (*mà ashvamedha, hay sự hy sinh con ngựa là rất quan trọng*). Nhưng trào lưu Ấn Aryen này mau chóng trở thành một trào lưu tự trị, phần nhiều thuộc dân Dravidien, việc này đã có xác định trong kinh Vệ Đà để tạo thành một nền Ấn Độ giáo* nguyên thủy: tôn giáo Vệ Đà bởi hình thức nguyên thủy và tổ chức xã hội của nó vẫn còn là căn bản của mọi nền văn minh*.

• **vía**

Xem phách.

• **Vĩnh Nguyên Tự**

Một ngôi chùa của chi Minh Đường* vùng Long An do Lão sư Lê văn Tiểng, đặc quả Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn* là phụ thân ông Lê văn Lịch* trụ trì với đạo vị Thiên Ân. Thái Lão Như Ý có lời phú chúc nơi đây là nơi Thập Nhị Khai Thiên* (?) đến mở đạo... Cho nên tháng 4 năm 1926, khi ông Lê văn Trung* cùng nhóm phò loan* tách rời khỏi đức Ngô Minh Chiêu* thì đã tìm đến đây học đạo* và nhờ ông Lịch bày bửu pháp... (*Xin xem sách Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển II - Phần Phổ Độ 1: Khai giáo Nam Việt Nam* của Đồng Tân*).

• **Vishnu**

Một trong những Thần linh* lớn của Ấn Độ, đối lập với Civa*. Thần là đáng Bảo thủ. Giữa các thời kỳ thiên điển lớn, Thần ngủ yên trên con rắn Ananda. Hiện lành và nhân ái, Thần đáp lại những lời cầu khẩn. Thần được biểu thị bằng một người thanh niên có bốn tay, mỗi tay cầm một bí pháp*, cái tù và, cái chùy, cái đĩa, cái bông sen. Thần cỡi trên con Garuda (*mình người có đầu, cánh chân loài chim ó*). Thần Vishnu đã có mười lần giáng trần*, điều mà nền thần thoại* Ấn Độ cho là sự hóa thân* của nhiều Thần hạ cấp, Thổ Thần, Thần anh hùng*, cả đến những tổ tiên Tổ Vật giáo* bởi nhiều lần giáng sinh dưới hình thù thú vật, như con cá đã

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

cứu Mana. Noé Ấn Độ cứu nạn hồng thủy, con rùa trên nó có ngọn núi dùng đánh biển, sữa con bò rừng chiến thắng quỷ dữ, người sư tử và người lùn. Quan trọng nhất là những hình người: Parashurama, người bảo vệ Bà La Môn* chống lại quân giặc mà hơn hết là Rama và Krishna*. Đối với nhiều người lần giáng sinh thứ 9 đã có là lúc đức Phật Thích Ca điếu cho Ấn Độ giáo* hóa thân thành Phật giáo*, lần thứ 10 là một linh sấm: Thần sẽ đến trên con Bạch mã vào ngày tận thế*. Sự kiện này không ngờ về sau lại là điềm đã có lan truyền trong thời gian đời cốt Phật Thích Ca và con ngựa trắng đã đức tại Từ Lâm Tự* (*Gò Kén Tây Ninh*) về làng Long Thành, nơi thiết lập Tòa Thánh Tây Ninh* mới. Người dân Cao Miên vốn cả tin vào Ấn Độ giáo nên rất ngưỡng mộ điềm lành này mà đã bỏ công sức rất nhiều cho sự khai khẩn khu rừng hoang làm nơi Thánh địa* Cao Đài giáo* buổi sơ khai 1927-1928.

• **Vivekananda (1862-1902)**

Một đạo sĩ khổ hạnh nổi tiếng xứ Bengale, môn đồ của Ramakrishna*. Đầu tiên, ông bị lôi cuốn bởi Brahma Samty với nhiều hoan lạc, sau đó lại theo lời chỉ giáo của Ramakrishna mà ông đã phổ truyền rộng rãi. Khi vị Tôn sư mất, ông trở thành Sannyasin ẩn tu trong rừng Hy Mã Lạp Sơn, rồi tham dự Hội nghị Tôn giáo năm 1893. Với kết quả rực rỡ, vốn rất hùng biện, ông tạo dựng cùng một người Hoa Kỳ tổ chức Vedanta Society tại Nữ Ước và xây thêm nền đạo lý Ramakrishna với các bậc thầy hay Swami, mà cơ sở đã được thành lập theo tổ chức giáo quyền Cơ Đốc cũng như Ramakrishna Mission tại Ấn Độ với một công trình từ thiện. Sự hoạt động của các cơ quan này rất lớn lao, nó gồm có những tác phẩm xuất bản, thuyết giảng, tác phẩm nhân ái và giáo dục. Trung tâm là Belur gần Calcutta, nơi mà Vivekananda đã chết sau lần tham dự Hội nghị Tôn giáo năm 1902. Ông có đến Anh quốc và đã phổ độ* được cô Margaret Noble theo Ấn Độ giáo* Vedanta*, cô hay đến sống ở Calcutta theo dân Ấn và hiến dâng đời mình cho sự tu học và công quả* từ thiện và giáo dục. Trong số tác phẩm của cô có sách *Vị Tôn Sư mà Tôi đã Thấy (Le Maître tel que Je l'AI Vu)*. Đạo hiệu* của cô là Nivedita có nghĩa là Nữ tu hiến dâng (*la Consacrée*). Hấp thụ nền giáo dục Tây phương,

Đông Tân

Vivekananda đã biết đưa ra một bộ mặt mới cho Ấn giáo bằng cách đề nghị những phương pháp khác nhau yoga*, thiền định*, học tập, lòng mộ đạo thuần thành và những công trình nhân ái do sự hiểu biết về vạn hữu thiêng liêng* trong một tôn giáo đại đồng*.

• võ sĩ đạo

bushido^N - 武士道 - Biểu hiện danh dự, lòng can đảm, của hiệp sĩ đạo tạo nên nền luân lý quân nhân Nhật Bản (*samurai*), là thành phần ái quốc Nhật Bản, phối hợp sự ưa thích trật tự xã hội do Khổng giáo* truyền lại và sự tự chủ do Phật giáo* Thiên tông* đem lại.

• Voltaire. Francois Marie Arouet Voltaire (1694-1778)

Con của một vị Chuồng Khế Ba Lê và Marguerite d'Aumart, ông là nhà báo, sử gia, nhà bút chiến, nhà soạn kịch và nhà luân lý - và mặc dù thế kỷ XVIII về sau được mệnh danh là le siècle de Voltaire (thế kỷ Voltaire) không bao giờ ông trình bày một triết học*. Trong bất cứ tác phẩm nào của ông *Les Lettres Philosophiques* (Các Bức Thư Triết Lý - 1734) chỉ là câu chuyện về cuộc sống người Anh và một bình phẩm về các phong tục nước Pháp. *Eléments de la Philosophie de Newton* (Các Phần Tử Triết Học của Newton - 1738) chỉ trình bày tính chất quần chúng hóa không sâu sắc những nguyên lý khoa học của Newton*. *Candide* (1759) chỉ phê phán một xã hội ban sơ của nền triết học lạc quan của Leibniz* mà chắc chắn Voltaire chưa hề đạt tới. Cuốn Bách Khoa Từ Điển Triết Học - *Encyclopédie Philosophique* (1764) chỉ là một luận đề các định nghĩa văn học. Voltaire là nhà luân lý có tầm cỡ lớn, hết lòng bênh vực tự do, lòng khoan dung Mahomet ou le Fanatique (*Mahomet hay sự Cuồng Tín** (1761), *La Compréhension des Coutumes* (Tìm Hiểu Phong Tục - 1756), *Discours sur la Tolérance* (Luận về Lòng Khoan Dung - 1763)... Nhưng so sánh ông với Rousseau* và Diderot thì Voltaire là triết gia* không thấu triệt bằng.

• vong linh

âme d'un mort^F - *soul of a dead person*^A - 亡骸 - Linh hồn* người chết* ra khỏi xác được gọi là vong

linh theo ngôn ngữ thường dân. Người Cao Đài giáo* gọi là giác linh*.

• Võ văn Sang (?)

Một trong 13 môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài* hiện diện năm 1926 có ý hướng theo đức Ngô Minh Chiêu* nên không có tên trong Tờ Khai đạo* và cũng không có thành tích gì trong phần Phổ Độ* cũng như bên phần Vô Vi, không hiểu tại sao (vì không tìm ra người thừa kế - xin bỏ khuyết khi cần).

• Vô

Le Néant^F - *The Naught, The Nothingness*^A - 無 - Không*, trái nghĩa với Hữu*. Người Tây phương gọi là le non-être (vô thể). Nó chỉ là một vật không vật lý (khoảng chân không) ít hơn là một vô không theo nghĩa tâm lý: trong triết học* Ấn Độ giáo* vô hay Niết bàn* (*Nirvana*) chỉ trạng thái lãnh đạm mà con người đạt đến khi họ giải thoát* được mọi dục vọng, mọi xu hướng hành động. Nền triết học hiện sinh* hứng cảm điều đó từ Hegel đã trả lại cho khái niệm về Vô một vai trò căn bản: cái Vô được cảm nhận, nơi Heidegger*, trong sự sợ hãi cái chết; Sartre (trong sách *L'Être et le Néant* - 1948) đã đồng hóa kinh nghiệm của Vô với kinh nghiệm của tự do*, theo đó, chúng ta phủ nhận tình trạng của ta và quyết định "không có nữa cái gì chúng ta đang có". Cái Vô như thế được cảm nhận trong kinh nghiệm về sự phủ định, trong kinh nghiệm của sự thiếu vắng hay của sự thất bại. Nhưng cũng còn những phân tích của Hegel trong sách *Phénoménologie de l'Esprit* vẫn còn là gọi cảm nhất: cái Vô như thế được cảm thấy trong kinh nghiệm của sợ hãi nơi mà thế giới trở nên "hoàn toàn khí lực" (*totalelement fluide*) nơi mà phần chủ động tự mất đi trong một cảm giác sa đọa và choáng váng cùng tột. Kinh nghiệm này chắc hẳn là kinh nghiệm của kẻ chịu tử hình (và, thời Thượng Cổ, kinh nghiệm của dân nô lệ mà lúc nào cũng có thể bị chủ nhân buộc tội tử hình). Một cách tổng quát chúng ta hãy cho rằng những khái niệm về Vô chỉ có nghĩa khi nào nói đến một cái Vô tương đối mà người ta cảm thấy trong kinh nghiệm thiếu của sự đi qua vạn vật và của bất cứ thứ hình thức không tưởng nào. Ý tưởng* về một cái Vô tuyệt đối chỉ có thể là một sự thiếu vắng tuyệt đối về ý tưởng.

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

• vô định thuyết

indéterminisme^F - indeterminism^A - 無定說 - Thuyết nói về phần xác định trong các hiện tượng thiên nhiên. Trong khoa học* hiện đại, nói riêng khoa nguyên tử học, vô định thuyết chỉ sự bất khả tiên liệu những sự chuyển động của một âm điện tử, nhưng không phải cho cả chùm âm điện. Vô định thuyết đồng nghĩa với thuyết định tính (*déterminisme statique*) (nghĩa là sự tiên liệu nhắm vào một tập thể phần tử chứ không vào một phần tử cô lập). Người ta cũng gọi là định mệnh thuyết* tổng quát. Nhìn về phương diện triết học*, người ta có thể so sánh vô định thuyết như một tính chất của thiên nhiên (vô định thuyết vật chất) hay như hiệu quả đơn giản của sự giới hạn kiến thức chúng ta về thiên nhiên (vô định thuyết hình thức), nhưng không hề có liên hệ một chứng nghiệm nào đối với sự tự do con người.

• vô minh

avijja^P - ignorance^F - ignorance^A - 無明 - Cái nhân duyên* số 1 trong Thập nhị Nhân duyên* của Phật giáo*. Nhà Phật gọi đó là đầu mối gây nên mọi sắc thái từ con người, do con người và bởi con người mà ra. Chính con người đã mang trong người cái vô minh này nên muốn thành Phật phải thoát khỏi cái vô minh đó. Nhưng lấy gì làm bằng chứng khi thuyết này chỉ có người Phật nghe và sự thành đạo như thế nào, giải thoát* ra làm sao thì cũng chỉ có mấy ông sư còn tại thế và những vị La Hán trên cõi Niết bàn* xác nhận mà thôi. Cao Đài giáo* phủ nhận thuyết này vì cho là phạm giáo. Cao Đài giáo nhìn nhận con người là Tiểu Linh Quang* mà Thượng Đế* là khối Đại Linh Quang*. Do đó, con người nguyên bản vốn cùng một thể với Thượng Đế nên có thể đi đến hội hiệp với Ngài một cách đương nhiên nếu họ không bị vật dục làm ô nhiễm làm mờ khối tâm linh đã có từ buổi khai nguyên. Như vậy chữ vô minh có thể dùng để chỉ vật dục (vốn là những đề tài của trường khảo duyệt*) làm sa đọa con người chứ không thể dùng chỉ con người tự có cái vô minh kia được. Những ai tự nhận mình đã có một đạo pháp* cao trọng mà không ai hơn kẻ ấy chính là người đã bị cái vô minh che lấp đi vậy!

• vô ngã

le non-moi^F - the non-self^A - 無我 - Nhà Phật gọi vô

ngã nghĩa là không có cái Ta, không có một tư thể riêng biệt, một chất cố định của mỗi vật để tạo ra cái Ta của vật ấy. Sách Phật nói rằng không có chất gì riêng biệt của nó để làm thành một cái Ta riêng cho nó. Nó chỉ là những hợp tướng tạm thời của nhiều phần tử duyên lại với nhau. Lúc nào duyên hết thì hợp tướng phải tan. Đó là lẽ thật vô ngã của tất cả mọi vật trong Vũ trụ. Từ đó, nhà Phật cho rằng tất thảy đều là giả tướng. Nhưng khi các nhà sư phủ nhận cái Nguyên Nhân đầu tiên* của Vũ trụ* (tức là Thượng Đế*) để từ đó cấu tạo nơi con người một mẫu tâm linh riêng cho mỗi người (linh hồn* làm chủ một thể xác cũng như Thượng Đế làm chủ Vũ trụ) thì có bao giờ các nhà sư biết được cái Ta của mỗi người hàm tàng trong sự bất diệt của linh hồn mỗi người? Ấu đó cũng là hậu quả đương nhiên của thuyết vô minh* đó thôi, không có gì phải ngạc nhiên cả.

• vô sản

prolétaire^F - proletarian^A - 無產 - Danh từ được Marx* dùng trong sách cộng sản, nhất là trong Bản Tuyên Ngôn của đảng cộng sản từ hội nghị quốc tế tại Luân Đôn, tháng 7 năm 1847 có câu: "Các người vô sản trên các nước! Hãy đoàn kết lại!" ("*Les prolétaires de tous les pays! Unissez - vous!*"). Do đó vô sản chỉ người nghèo, còn được gọi là có ích về mặt các con cái họ sinh ra mà thôi, cũng là người mà chỉ có cách sống bằng thành quả mà họ lao động. Tuy nhiên, xét cho đúng thì chữ vô sản hầu như không có nghĩa trong thực tế xã hội. Con người khi mới sinh ra tự họ đã là hữu sản rồi. Sản nghiệp của họ là cái thân xác của họ mà không ai chiếm hữu được. Cho nên khi người cộng sản dùng danh từ này để kêu gọi những người chạy theo mình thì chỉ thấy toàn những người có quyền uy tài sản, có thế lực trong đám cùng dân, mà không nước cộng sản nào không có đa số là những hạng người này bởi thuyết bản cùng hóa nhân dân để dễ bề sai khiến họ. Chữ vô sản được cộng sản dùng để làm thế đối nghịch với tư bản* cho thấy họ chỉ đưa ra cái chiêu bài ấy để lừa bịp vì dân, do dân, nhưng mục đích sau cùng của họ chính là chỉ để cho một giai cấp cao nhất (giai cấp đảng viên cộng sản) ăn trên ngồi trước bất kể tài năng học thức có hay không, miễn có số tuổi đảng cao là đáng tay lãnh tụ rồi.

Đông Tàn

• vô sắc giới

le monde immatériel incolore^F - The colourless immaterial world^A - 無色界 - Một trong ba cõi thế gian theo thuyết Phật, nhưng mấy ai biết được cảnh giới ấy ở đâu? Người Cao Đài* không tin ba cõi này tại thế gian, bởi chỉ có hai cảnh giới hữu hình và vô hình đang ngự trị nơi ấy mà thôi.

• vô sở bất tại

omniprésence^F - omnipresence^A - 無所不在 - Không có nơi nào là không có, chỉ sự thiên biến vạn hóa của Đức Thượng Đế* hay đáng Vô hình.

• vô sở hành giáo

quietisme^F - quietism^A - 無所行教 - Chủ nghĩa thần bí*, thịnh hành nhất vào thế kỷ XVII (*Molinos, Mme Guyon, Fénelon*) đã tạo nên Thánh thiện trong tình yêu của Chúa và sự bất động của linh hồn*. Thuyết này đặt giá trị tối cao của linh hồn (*cảm tính tôn giáo**) và không nghĩ tới mọi hành động luân lý hiệu nghiệm. Nó đã gợi ý từ nguồn cội tư tưởng của Kant*.

• Vô thần giáo

Athéisme^F - Atheism^A - 無神教 - Theo nghĩa tôn giáo* thì là sự chối bỏ Thượng Đế*. Nó rất ít khi tuyệt đối*, từ chối mọi thống nhất của Vũ trụ, mọi nguyên lý chỉ đạo. Thường thì có một loại thuyết lý trí hữu hạn*, nơi mà trí óc con người không tìm biết Đấng Tối Cao. Những người vô thần hiện đại mệnh danh là người có tư tưởng tự do* bằng lòng một thuyết hoài nghi nào đó đối với mọi tôn giáo. Phật giáo* nguyên thủy và Mahavira giáo* (*Jainisme*), dù có hình thức tổ chức tôn giáo, nhưng không tin có Thượng Đế. Theo nghĩa triết học*, Vô thần luận là chủ nghĩa hay thái độ chủ trương chối bỏ mọi biểu thị của một Thượng Đế cá tính và sống động. Trong nghĩa chính xác này, Thiên luận*, chối bỏ mọi lễ tế về Thượng Đế, Vô thần giáo cũng như Phiếm thần luận đồng hóa Thượng Đế vào thiên nhiên (*Spinoza**). Đó là cái nghĩa của vô thần trong ngôn ngữ cổ điển. Hiện nay, khái niệm về Vô thần luận đã được nói rộng rất nhiều... Nó chỉ chủ nghĩa hay thái độ chối bỏ sự hiện hữu của Thượng Đế, bất cứ thế nào. Sự chối bỏ này không phải lúc nào cũng minh bạch. Nietzsche nói: "*Có những người không bao giờ nghĩ đến sự hiện hữu hay không hiện hữu*

của Thượng Đế, sự lo nghĩ độc nhất và đầu tiên của họ là về những công việc nhân sự, địa vị con người và số mệnh của họ". Xét về mức độ cường tín, thuyết cộng sản của Marx* và Lenin cũng như Mao Trạch Đông đều được xem như loại Vô thần giáo. Chả thế mà họ tự xưng là Mác Lê kinh điển, và sự tôn thờ những tay lãnh tụ này không thua các giáo chủ* của các tôn giáo, nhưng có khác là mục đích thì tóm thâu thiên hạ dưới sự khống chế bạo lực của mình mà tông chỉ là thực thi độc tài sắt máu đảng trị.*

• vô thường

la vacuité des choses impermanente^F - the emptiness of impermanent things^A - 無常 - Phật giáo* gọi vô thường là không giữ lâu bền một hình dáng, một trạng thái nào, hay biến đổi luôn luôn. Ý niệm vô thường được diễn tả trong các động từ sinh trụ dị biệt hay thành trụ hoại không qua một thời gian tương đối lâu dài gọi là nhất kỳ vô thường.

• vô thường mệnh lệnh

Impératif catégorique^F - Categorical imperative^A - 無上命令 - Danh từ của triết gia Kant*, cái mà người có lý tính*, vô luận ở nơi nào, đời nào đều phải phục tùng, đều phải do nó mà phân định thiện ác tà chánh. Nói cách khác, đó là sự sai khiến bắt buộc của luân lý: nó thị hiện nơi chúng ta bằng cái cảm tính của một thái độ không thể làm gì khác hơn (*anh phải như thế bởi vì anh phải như thế*). Nó đối lập với giả thiết mệnh lệnh (*impératif hypothétique*) không tuyệt đối bó buộc (*anh phải làm điều ấy nếu anh muốn sung sướng hay nếu anh muốn trở nên nhanh nhẹn và thành công trên đường đời*).

• vô tín thuyết

nihilisme^F - nihilism^A - 無信說 - Không có một tín ngưỡng* nào cả. Thuyết này xuất hiện ở Nga vào thế kỷ XIX, lúc đầu như một thái độ, một "*trạng thái thất vọng*" riêng của những người không biết sống để làm gì. Sau đó nó trở thành một chủ nghĩa đề xướng bởi Dobrolyubov (1836-1861) và Pissarev (1840-1868) (*gợi hứng sâu xa bởi thực nghiệm thuyết* của A. Comte**) mà đối tượng cần kíp là quét sạch tất cả mọi ý tưởng đã đạt được (*Thần học*, thẩm mỹ học...*), tất cả những thành

kiến xã hội và mục đích tối thượng là tạo dựng, trên những thực tiễn khoa học*, một xã hội mới sẵn sàng bảo đảm hạnh phúc quần chúng. Sau 1870, vô tín thuyết, dưới ảnh hưởng của Tchernychevski (1828-1889) chuyển hướng thành một trường công kích tư bản chủ nghĩa* và bất công xã hội. Bởi phản ứng với sự theo dõi của chính quyền và dưới sự diu dắt của những người chủ xưởng, nhiều người vô tín đã tạo nên những cuộc mưu sát vô chính phủ không còn theo chương trình nguyên thủy. Thế nên có sự liên hệ với những người như Bakounine mà sách *"Đất Nước và Vô Chính Phủ"* (1873) rao truyền phá hoại càng nhiều, càng nhanh, càng tốt". Lúc đó, thuyết vô tín trùng hợp với phong trào nhắm vào sự phá đổ chế độ Nga hoàng: đối tượng của nó là sự phá vỡ toàn bộ các kiến thức xã hội, không hề có một ý thay đổi cái mới. Thuyết này đồng hóa vô chính phủ theo đó sự phá vỡ và sự đấu tranh cách mạng tạo thành một đích tự nó chống lại người cách mạng chân chính có mục đích không phải phá hoại mà tạo dựng một trật tự xã hội mới.

• vô trần

immatériel^F - immaterial^A - 無塵 - Không bụi bặm, không nhiễm vật dục thế gian.

• Vô Trước

Asanga^P - 無著 - Nhà sư Phật giáo Đại Thừa*, chủ trương Pháp Tướng tông*, cùng Thế Thân* là hai anh em có đại công trong việc thành hình Đại Thừa Phật giáo*.

• vô vi

inaction^F - inaction^A - 無為 - Không có hành động dù vật chất hay tinh thần, nhưng vẫn sinh hoạt theo nội tâm. Chủ nghĩa của người tu luyện đạt đạo nhiệm màu.

• Vô Vi

Xem phần Vô Vi.

• Vô Vi Do Thái giáo

Xem Kabbale.

• Vô Vi Tam Thanh

L'Ésotérisme Caodaïque^F - The Caodaist

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Esoterism^A - 無為三清 - Phần Vô Vi* Tâm pháp đạt đạo nhiệm màu lãnh hội trực tiếp từ Đức Cao Đài* do đức Ngô Minh Chiêu* truyền lại từ 1926. Đàn* chính là Càn Thơ Tổ đình. Nhưng từ trước 1955, bà Minh Hồng, nữ đệ tử cấp I của đức Ngô Minh Chiêu đã dùng cái khăn tang (màu trắng để tang ngài từ 1932) làm khăn đạo thay khăn đen và đổi vị trí hai cây đèn (ngang với lư hương* ở giữa). Việc này được đệ tử của bà là ông Lê thiện Lộc nối tiếp tại Đàn Càn Thơ* dù năm 1957 chính bà Minh Hồng đã ăn năn trở lại như trước. Cho mãi về sau này, Đàn Càn Thơ không còn cái thể thống Tổ đình Tâm pháp như thời sơ khai 1927-1932 mà đã bị Tà thần* xúi giục cho đến hiện tình (1991) càng bi đát hơn bởi sự xâm nhập của tà mị (áo đạo có thêu hình bát quái* do Hồng Hải Nhi, một bà tả đạo lợi dụng thời cộng sản từ một cái am trong vùng xâm nhập vào). Nhưng các Đàn Vô Vi khác thì không có hiện tượng này.

• vô Vũ trụ

acosmisque^F - acosmic^A - Tĩnh từ mới dùng để chỉ thuyết cổ Ấn Độ giáo* cho rằng Vũ trụ hình thành theo nguyên lý Tat Tvam Asi dịch nghĩa là thử tức bị (cái này là cái ấy) trong tính dung hòa* cố hữu. Đức Cao Đài* cũng đã dạy ngày 20-2-1926: các con tức là Thầy* trong nguyên câu: "Đạo Thầy tức là các con (hữu Vũ trụ), các con tức là Thầy (vô Vũ trụ)" (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*) gồm nguyên lý tổng hợp giữa hai nguyên lý hữu Vũ trụ* của nền đạo học* Trung Hoa và vô Vũ trụ của kinh Vệ Đà* Ấn Độ vậy.

• Vọng

妄 - Là ngày thứ 15 (rằm*) trong tháng âm lịch (từ vọng có nghĩa là trông - mặt trăng tròn).

• vọng ngữ

péché en paroles^F - sinful words^A - 妄語 - Nói dối, xảo ngữ, ngoa ngôn, nói xấu, thêu dệt. Giới thứ 5 trong ngũ giới cấm*. Đối trá là sai chữ tín, làm mất lòng tin tức là người vô dụng, rất có hại cho sự tu học.

• vu hích

Les médiums de l'antiquité Chinoise^F - The mediums of Chinese antiquity^A - Còn gọi là vu nghiên*.

Đồng Tân

Vu là người con gái, hích* là người con trai, làm thông ngôn cho Vô hình trước những bí ẩn của Vũ trụ. Cổ Thi nói: "Dân Thần tạp sự, gia ư vu sử" (dân với Thần lẫn lộn, nhà nào nhà nấy cũng có đồng âm chỉ việc). Thời bấy giờ có chức quan chuyên trách việc này gọi là quan Tư Vu. Sách Chu Lễ ghi: "Tư vu chủ trương quần vu chi chính lệnh" (quan Tư vu chủ trương quần các người đồng âm theo lệnh triều chính). Sách Chu Ngữ có nói: "Chiêu Vương (nhà Chu 1055-1415 trước Tây lịch) hỏi quan Dịch Phụ rằng: "Sách Chu nói Trọng và Lễ thần đã làm cho Trời Đất không thông đồng với nhau nữa nghĩa là thế nào? Nếu việc ấy không như thế thì nhân dân có thể lên trời được sao?" Trả lời rằng: "Không phải thế! Ngày xưa dân với thần không tạp loạn lẫn lộn. Trong nhân dân có người sáng suốt không hài lòng. Họ có thể nhất tâm kính cẩn, thành thật và ngay thẳng. Trí của họ đạt tới trên dưới có thể giữ được chính nghĩa. Thánh đức của họ có thể sáng tỏ tận đàng xa. Sự sáng suốt của họ có thể soi chiếu mọi vật. Như vậy thì Thần minh giáng xuống ở họ dân ông thì gọi là nghiêng (hay hích), ở tại dân bà thì gọi là vu. Nhờ qua những bậc ấy mà chỗ ở của Thần được đặt, địa vị của Thần được bày và thứ tự trên dưới của Thần được xếp. Và qua họ mà lễ phục, sinh khí được chọn. Rồi sau đấy mới làm cho các bậc Tiên Thánh được sáng sủa quang liệt mà biết được danh hiệu của sông núi. Vị chủ ở Cao Tổ miếu, việc tế tự ở tông miếu, thế hệ của Chiêu mục chăm nom tôn kính, lễ tiết như thế nào, phép tắc uy nghi ra sao, dung mạo phải sùng kính, tính chất phải long trọng, quần áo sạch sẽ để mà cùng kính mình Thần chúc tụng các ngài vậy... Như vậy nên có các quan chức trông nom vào việc trời đất thần dân và vật loại gọi là Ngũ quan..." Kịp đến đời Thiên Hạo (2597-2517 trước Tây lịch) suy đồi, chính họ Lễ rối loạn đức tốt. Dân thần trở nên rối loạn, tai họa liên tiếp xảy đến... Khi Chuyên Húc (2513-1457 trước Tây lịch) nối ngôi, ông bèn ra lệnh cho Nam Chính Trọng lấy Trời làm nơi thuộc về Thần, cho Hỏa chính Lê lấy đất để thuộc về dân. Họ phục hồi lại kỹ thuật cũ. Như thế người ta gọi là tuyệt địa thiên thông, cắt đường thông đồng giữa trời và đất". (Triết Học Đông phương* Nguyễn Đăng Thực, quyển I, xuất bản 1956). Có vài sử gia như ông Trần trọng Kim hay bình luận gia như Phùng hữu

Lan đã có nhận định sai về vai trò và tính chất của vu hích và gọi là mê tín. Nhưng sách Chu Ngữ trên đây cho thấy vu nghiêng là những con người khác thường, nếu không muốn nói là hơn người, đã có một sứ mạng* thiêng liêng* (được xem như Thiên mạng*), mới làm được cái công việc thông công mà không phải ai cũng làm được (Xem Pythie, Rishis, Đồng tử).

• Vu Lan

Ngày rằm* tháng 7 âm lịch còn gọi là ngày lễ Trung Nguyên theo Đạo học* Đông phương* là ngày báo hiếu* theo Phật giáo* với sự tích Mục Kiền Liên khi thành đạo đã du Địa phủ* để cứu linh hồn* bà mẹ đang bị khổ hình tại đó. Sự kiện Mục Kiền Liên đã tu thành đạo mà còn thấy bà mẹ bị tù ngục tại Âm phủ* hay Thập điện Diêm cung* để có ngày lễ Vu Lan vào ngày rằm tháng 7 âm lịch gọi là ngày báo hiếu mà chư Phật tử* là a siêu độ thì cũng chỉ là huyền thoại mà các nhà sư đã bày ra thôi. Bởi theo Chánh pháp Cao Đài* thì cuộc sống cha mẹ và con cái liên quan mật thiết nhau. Như thế có nghĩa là bà mẹ độc ác khó có thể sinh được đứa con ngoan hạnh như Mục Kiền Liên. Và nếu chẳng may vì nghiệp lực của bà phải vậy thì khi Mục Kiền Liên thành đạo tự nhiên đã cứu độ* được linh hồn bà mẹ theo luật Thiên điều* chứ đâu phải mãi chịu ngục hình để Mục Kiền Liên phải thân hành xuống Địa ngục*(?) như vậy.

• Vũ Môn

禹門 - Tên một khúc núi ở thượng du sông Trường Giang nước Trung Hoa, thuộc tỉnh Tứ Xuyên, chân núi có cái vực rất sâu, tương truyền đến mùa thu nước lụt lớn cá đua nhau tới đó nhảy thi, con nào vượt qua vũ môn thì hóa ra rồng. Tương truyền rằng tại nước Việt Nam ở huyện Hương Khê tỉnh Hà Tĩnh cũng có vực sâu ở cạnh núi như thế. Sách Tàu có câu: "Vũ Môn tam cấp lãng". Tục ngữ ta cũng có câu: "Cá nhảy Vũ Môn" dùng về diễn tả cảnh học trò đi thi.

• Vũ Trụ

Univers^F - Universe^A - 宇宙 - Kinh Đại Thừa Chơn Giáo* cho biết khắp cả Càn Khôn Thế Giới là Vũ, cùng chỗ Vũ kêu là Trụ. Vũ nghĩa là trùm cả bốn phương và trên với dưới, Trụ cũng có nghĩa là xưa

qua nay lại, nên trong chữ Vũ Trụ nó có gồm cái nghĩa cả không gian và thời gian. Không gian bắt nguồn từ Vô Cực và khi thành hình ngôi Thái Cực* thì thời gian bắt đầu vận hành các tinh vân vật chất qua một hiện tượng gây chấn động mạnh mà khoa học* ngày nay gọi là big band thành hình 3000 thế giới và 72 địa cầu* mà địa cầu ta ở là địa cầu thứ 68. Lễ cổ nhiên Vũ Trụ vĩnh cửu theo luật Thiên điều* mà con người có thể biết được khi thi hành sứ mạng* của mình qua sự khảo ngộ từ Vô hình để nhận biết có cái Tiềm Lực Thiên Nhiên* quy định tất cả những điều mà người không có đủ mức tín ngưỡng* về Thượng Đế* thì không bao giờ biết được.

• Vũ trụ quan Cao Đài giáo

Vue cosmographique du Caodaïsme^F - Caodaist cosmographic view^A - Theo nhận định của người Cao Đài* thì Vũ trụ* đã do một Linh Năng cảm đầu một Tiềm Lực Thiên Nhiên* tạo thành từ thời Hồng Mông* Thái Cổ với một Bản Thể* mà Con người không làm sao biết được. Các kinh điển cựu giáo* với tầm nhìn địa phương chỉ mờ mịt qua ngũ quan mà bày ra không thể thấu triệt danh từ chân lý* kia từ nghìn xưa vẫn chìm trong hư không mờ mịt thì dù con người có ba hoa đến đâu và thế là nhân loại vẫn đi vào ngõ vô minh* mà cứ tự nhận mình là bậc đại giác vậy. Người Cao Đài ngày nay qua sự khảo thị* của thế giới Vô hình nên đã thấu rõ trên thế gian này không có gì là bí nhiệm khi họ đã biết mình có một linh hồn* đang chủ trì thể xác mình phát xuất từ một Linh Năng Vũ Trụ là Đấng Thượng Đế* Hóa Công biểu hiện Thiên Nhân* đang giám sát và điều động Vũ trụ* khi Con người là chủ nhân ông địa cầu* với khả năng tự tạo cuộc sống chung mà cảnh năm châu chung chơ bốn biển chung nhà ngày nay không ai là không biết. Về phương diện siêu hình thì mọi bí nhiệm của Con người tạo ra cũng không gì bí hiểm như Kinh Dịch* với biểu tượng Bát Quái* rồi Hồng Phạm Cửu Trù* với Lạc Thư* cũng chỉ là một ý thức* bằng nhãn quan minh định phần bí nhiệm của Vũ trụ Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể dưới tầm nhìn của Con người khi chưa có đủ phương tiện bút giấy mà ra không gì phải thắc mắc cả. Cũng như sự hình thành Vũ trụ cũng đã do thế giới Vô hình khảo thị qua cơ bút* mà chỉ Minh Sư* đã thể hiện với Tam Thiên

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Thế Giới* Tứ Đại Bộ Châu* và Thất Thập Nhị Địa* hiện diện trong Vũ trụ từ dưới đến trên mà quả địa cầu chúng ta là số 68 (*Đại Thừa Chơn Giáo**). Khi khai mở nền Phổ Độ* tại Từ Lâm Tự*, Đức Cao Đài* đã ra lệnh cho ông Bính dùng sách Thiên Văn học* Tây phương mà vẽ trên mặt quả Thiên Cầu tất cả 3072 ngôi sao với ngôi Bắc Đẩu* có hình Thiên Nhân trên đó (*Thiên Cầu này hiện còn nơi Chánh điện* Tòa Thánh Tây Ninh**). Sự kiện ứng với hình tượng Thiên Nhân với Nhứt Nguyệt Tinh thăng hàng từ dưới lên trên cũng một thể hiện Vũ trụ khoa học* mà đức Ngô Minh Chiêu* đã truyền lại cách thờ phụng* trong các Đàn Vô Vi từ 1927 cũng không ra ngoài Vũ trụ quan Cao Đài giáo mà các cựu giáo không thể xem thường vậy. Và như thế Vũ trụ dưới tầm nhìn của người xưa (*Ngũ Kinh**) đối với ngày nay (*Bản Thể Luận**) được khảo thị theo một Vũ trụ quan mới không dựa theo bất cứ loại kinh điển nào của cựu giáo đã dung hợp* nhau một cách rõ rệt không chối cãi vậy. Đồng thời bộ Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển I - Phần Vô Vi* do Cao Hiền tái bản năm 2007 cho biết nền Chánh Pháp Thiên Địa Vạn Vật Nhứt Thể* đã bắt đầu với Kinh Dịch Nho giáo* 4449 năm trước Tây lịch thời Nhứt Kỳ Phổ Độ*, sau đó cũng bắt đầu với Lão Đàm Lão giáo* bắt đầu 604 năm trước Tây lịch thời Nhị Kỳ Phổ Độ*, cho đến ngày nay thời Hạ nguơn* thế kỷ XX lại bắt đầu phần Vô Vi Cao Đài giáo mà sự tiên tri về Tam Hoàng* với sự xuất hiện các bậc Đại giác cách khoảng 500 năm sau với Thiên Hoàng từ 1924, rồi Địa Hoàng, rồi Nhơn Hoàng với Thiên mạng* cứu đời sẽ tiếp diễn đến 1500 năm sau... Như vậy, tinh thần Vạn Giáo Nhất Lý* trong nguyên lý Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể* bao gồm Thiên Địa Nhơn chính là căn bản trong Vũ trụ quan Cao Đài giáo. Như vậy, Vũ trụ quan Cao Đài giáo xác nhận tầm nhìn của các nhà khoa học và phủ nhận các huyền thoại cựu giáo như Chúa Trời Jehovah* hiện ra ở núi Sinai mà Moise* đã gặp và tự xưng *Ta là đấng tự hữu hằng hữu* nếu kinh Cựu Ước thành hình với mục đích cứu thế trong tầm nhận định đơn thuần như vậy. Cũng như sau này vào Nhị Kỳ Phổ Độ, các kinh Phật lại chẳng tạo ra một Vũ trụ theo phạm giáo bằng ngũ quan với dục giới* sắc giới* và vô sắc giới* cũng chỉ theo mức nhận định nhân sinh đương thời nếu chẳng tạo ra cái nhìn vô thần cộng

Đông Tân

sản mà không thể cục bộ đi vào LÝ TUYỆT ĐỐI* hay THUẬN ĐỂ LÝ TÍNH* được. Và như thế, năm 1926, Đức Cao Đài có dạy với Tam Kỳ Phổ Độ* Thầy* không giao Chánh giáo* cho tay phàm nữa (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*) cũng có nghĩa các cụ giáo đã bắt lực với vai trò cứu thế của mình chỉ vì đã dùng phạm giáo như hiện tình thế giới như một nạn chiến tranh tại Trung Đông mà các cụ Chúa giáo (Do Thái, Cơ Đốc, Hồi giáo*) đã kéo dài từ bao thế kỷ qua (từ thế kỷ XI với trận giặc trăm năm làm khuynh đảo cả lục địa Âu châu) chỉ vì mảnh đất Jérusalem* thần thánh kia - khi các đấng Vô hình không ngự thường xuyên một chỗ nào dù nguy nga đồ sộ tại thế gian - mà thôi. Cho nên, theo người tín hữu Cao Đài thì mọi tranh chấp tội lỗi đều do con người vì mê muội mà ra chứ không phải từ thế giới Vô hình. Đấng Hóa Công không có hình thù của con người mà chỉ là Khố Đại Linh Quang* nên Ngài không định cư tại một vị trí nào trong lòng Vũ trụ cả dù đó là Jérusalem hay Cairo hay bất cứ một Thánh đường nào nên bày trò chiếm cứ cho riêng phe đảng mình cũng chỉ là cuồng tín* cực đoan mà thôi. Nhưng một Vũ trụ quan đi gần Nhân sinh quan* của Cao Đài giáo mà không có một giáo thuyết nào từ nghìn xưa sánh kịp là Đấng Thượng Đế* Hóa Công Giáo chủ* Cao Đài giáo thời Hạ nguơn* giảng trần* cứu thế lại tự xưng vừa là Cha* vừa là Thầy* thị hiện qua ánh Thiên Nhân với diệu dụng giám sát và điều động Vũ trụ xem như một gia đình ngay từ thời sơ khai Bính Dần 1926 còn ghi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*. Cho nên ngôi vị* Giáo Tông* chỉ là Anh Cả* và các chức sắc* phần Phổ Độ* chỉ là Anh Lớn* của môn sanh không như các giáo phẩm* cụ giáo tự nhận là cha cố hay sư thầy, thiên hạ phải cúi đầu vâng dạ mà phụng sự, điều mà người tín hữu Cao Đài gọi đó là mang nợ thế gian mà người chết phải trả cho xong mới mong đắc thành cụ vị*.

• Vũ Vương nhà Chu (tk XII trc TL)

Thế tử Phát, con vua Văn Vương nhà Chu, trị vì từ 1134 trước Tây lịch thay nhà Ân, trong 19 năm, đánh trận ở Mục Dã năm 1122 trước Tây lịch (khi vua Trụ nhà Ân tự thiêu mà chết), truyền ngôi cho con là Tụng lên ngôi năm 1115 trước Tây lịch là Thành Vương nhà Chu (không còn nhà Ân như trước).

• Vương Dương Minh (1472-1528)

王陽明 - Tên thật là Vương thủ Nhân tự Bá Du, người tỉnh Chiết Giang. Sau đánh giặc có công được phong là Tân Kiến Bá, vì nhà ở Dương Minh đông nên các học giả gọi là Dương Minh tiên sinh. Ông thuộc dòng dõi Nho học* có công nổi tiếng trong đời Minh, thuở nhỏ rất thông minh, trí nhớ rất đặc biệt, lại có tài thi thơ, có chí ham học làm Thánh hiền, khi lớn lên thì lại ham việc tu luyện đến nỗi quên cả việc cưới vợ. Năm 28 tuổi đỗ đệ nhị giáp Tiến sĩ rồi vào tập sự trong triều. Từ đó, ông sống cuộc đời quan lại, rất hào hùng trong chức vụ quân cơ, mấy lần đi dẹp loạn đều được thành công nhưng bị bọn phản thần gièm pha nên cuộc đời của ông trải qua bao thăng trầm, có lần phải đến miền sơn cước, một mình dẫn thân vào chỗ nguy hiểm nhưng đều thoát nạn. Về sau, ông bị bệnh phải bỏ chức quan về dưỡng bệnh và mất tại Nam An. Nghe đâu, ông bị bọn nịnh thần tâu vua sai ông đi đánh nước Việt Nam nhưng ông không chịu. Văn nghiệp của ông gồm trong các bộ sách do môn đệ ghi lại công đức trong các bộ như: Văn Học Ngoại Tập, Tục Biên, Phụ Lục... tất cả 38 tập gọi chung là Vương Văn Thành Công Toàn Thư. Kể về sự nghiệp thì Dương Minh là người đã lấy những sở đắc của chính mình chứ không cứ vào sách kinh, bởi lẽ ông đã từng gặp các nhà Đạo học*, Phật học* tham thiền nhập định* rất cao, nhưng ông vẫn cho là không phải chánh đạo* không đủ học. Ông lại thường nghĩ đến người thân với bốn phận* mình làm căn bản cho Đạo học. Nhất là khi ông bị đày ở trạm Long Trường, đêm ngày ông nghĩ rằng: "Vị phổng Thánh nhân gặp phải cảnh ngộ này thì tất có cái đạo để tự khiển". Một hôm nửa đêm, ông chợt tỉnh ngộ ra cái nghĩa cách vật trí tri*. Trong lúc mơ màng như là có người nói rõ cái nghĩa ấy ra, bất giác ông kêu to lên và nhảy múa như cuồng vậy. Từ đó, ông thấy rõ cái đạo của Thánh nhân đủ cả ở trong tính con người và cho là nếu ai tìm cái lý ở sự vật là lầm. Ông bèn nhớ lại những lời nói ở trong Ngũ Kinh* mà đem ra chứng nghiệm thì không chỗ nào là không đúng. Cái phần đặc biệt của ông là cái thuyết tri hành hợp nhất* và thuyết trí lương tri*, cả hai đều lấy căn bản ở sự tâm học. Cái tâm học của ông rất độc đáo. Ông thường nói: "Học là quý cái được ở tâm, tìm ở tâm mà không phải thì dấu lời của Khổng Tử nói ra

không dám lấy làm phải; tìm ở tâm mà phải thì dầu lời kẻ tầm thường nói ra, không dám lấy làm trái" (Ngữ Lục II). Có người hỏi rằng: "Đạo Nho và đạo Phật khác nhau thế nào?". Dương Minh đáp: "Không nên tìm cái đồng cái dị của đạo Nho, đạo Phật, tìm cái phải mà học là được vậy". Lại hỏi "Thế thì phải với trái biết hiện ra làm sao?". Lại đáp "Tìm ở tâm mà yên là phải!" (Văn Lục IV). Có người lại cho cái Tâm học của Dương Minh giống Thiền học của Phật. Ông nói: "Cái học của Thánh nhân không có người, không có ta, không có trong, không có ngoài, cho trời đất vạn vật làm một để làm tâm; cái học của Thiền tông thì khỏi sự tự tư tự lợi, mà chưa khỏi phân ra trong ngoài, đó là chỗ khác nhau vậy. Nay những người học về tâm tính mà chưa ra ngoài cái nhân luân và bỏ qua cái sự vật, mà chuyên lấy tồn tâm dưỡng tánh làm cốt, thì chính là cái học tinh nhất của Thánh nhân" (Văn Lục IV).

• Vương đạo

Le règne de la vertu^F - The reign of virtue^A - 王道 - Theo Tuân Tử* thì Vương Đạo là phép trị nước gồm những việc sau: "Đem cả nước mà hô hào việc lễ nghĩa và không làm điều gì hại đến lễ nghĩa. Làm một điều bất nghĩa, giết một người không có tội mà được thiên hạ thì kẻ nhân giả không làm. Có giữ vững lòng mình và giữ nước, người người cùng với mình làm việc ấy đều là nghĩa sĩ, những binh pháp đem bày tỏ ra cho quốc dân đều là pháp nghĩa. Những điều mà nhân chủ đã thực tin và đem cả quân thần qui về đó đều là cái ý chú vào việc nghĩa. Như thế thì kẻ dưới lấy nghĩa mà trông cậy người trên ấy là cơ bản định vậy. Cơ bản đã định thì nước định, nước định thì thiên hạ định... không bởi có gì khác, chỉ bởi cái cơ làm cho nên việc phải. Ấy là việc nghĩa lập mà làm vương đạo vậy."

• Vương quan Kỳ (1880-1939)

Ông sinh tại Chợ Lớn năm 1880. Nội tổ là cụ Thống Chế Vương quan Hạc, ngoại tổ là cụ Tướng quân Trịnh hoài Đức triều đại Gia Long. Thuở nhỏ học tại Chợ Lớn rồi tại Collège Mỹ Tho, cuối cùng là Lycée Chasseloup Laubat, đậu bằng thành chung (diplôme) có Pháp tịch, làm công chức Sở Thuế thân, được thăng hàm Tri phủ thì gặp đạo Cao

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo



Đài*. Vốn cùng đồng sự quen biết, ông gặp đức Ngô Minh Chiêu* tại Soái phủ Sài Gòn, cùng tổ chức cơ đàn* với ngài tại đường Lê Lợi và tại tư gia của ông. Công việc hấp dẫn một số đông tín hữu trí thức trong đó có ông Đốc học Đoàn văn Bản*, hiệu trưởng trường Cầu Kho. Cách thờ phụng*, cúng kiến và cơ đàn tại tư gia ông Kỳ cho đến khi được dời về tư gia ông Bản rồi đổi thành Thánh Thất Cầu Kho*, cơ sở đầu tiên của cơ Phổ Độ cũng đã do đức Ngô Minh Chiêu truyền lại. Về sau, khi số người đạo khá đông khiến cho cuộc sống ảm đạm theo lời dạy của Đức Cao Đài* từ Phú quốc cho đức Ngô: "Kín ngoài rồi lại kín trong" không còn được thực thi nữa. Tháng 4 năm 1926 có sự bất đồng chính kiến giữa các nhà Khai đạo dẫn đến sự thành hình hai phần Vô Vi và Phổ Độ, ông phủ Kỳ được Thiên phong* Giáo Sư*, tuy không được chỉ kiếu (truyền pháp Vô Vi) nhưng ông vẫn liên hệ mật thiết với đức Ngô Minh Chiêu, và ngài có dặn ông: "Chú nó nhớ Cầu Kho là gốc, đừng bỏ Cầu Kho nghe!". Thế nên, khi Tòa Thánh Tây Ninh* được thành hình thời gian không lâu thì có sự bất bình giữa các ông trên Tây Ninh và các ông ở Sài Gòn, lúc ấy chính ông phủ Kỳ là người cầm đầu nhóm tín đồ thuộc Thánh Thất Cầu Kho - sau gọi là phái Cầu Kho - không tham gia các công việc ở

Đông Tân

Tây Ninh cho mãi về sau này, Ông mất tại tư gia Sài Gòn năm 1939.

• Vương thị Lễ (1900-1918)

Ái nữ của cụ Vương quan Trân, em ruột cụ Vương quan Kỳ*, cô Lễ là cháu ngoại của ông bà Tổng đốc Đỗ hữu Phương. Nguyên hai ông bà Vương quan Trân và Đỗ thị Sang sinh con khó nuôi. Người nhà phải ra tận kinh thành Huế thỉnh lư nhang* của điện thờ bà Cửu Thiên Huyền Nữ về thờ, có ý cúng* vái để cầu tự. Sau đó thì sinh cô. Cô Lễ sinh năm 1900, mất lúc 18 tuổi vì bệnh. Cô đã theo học trường Sainte Enfance đến trình độ Trung học Pháp (*Brevet élémentaire*), có nhiều danh gia vọng tộc đến dạm hỏi mà cô vẫn từ chối không chịu. Một cô chôn tại vườn Bà Lớn (*tục gọi bà Tổng đốc Phương*). Năm 1925, tại Sài Gòn, khi nhóm xây bàn* bắt đầu cảm thấy sự hiện hữu của thế giới Vô hình qua sự nhập bàn của cô và hàn huyền với các người xây bàn (*nhóm phò loan**), cô được lệnh của bà Cửu Thiên Huyền Nữ kết tình huynh muội với các ông Cao quỳnh Cư*, Phạm công Tắc*, Cao hoài Sang* mà cô là tứ muội. Sự việc kéo dài đến tháng 7 sau khi nhóm xây bàn được cô chỉ dẫn cách dùng ngọc cơ* mới biết cô là Thất Nương* Diêu Trì Cung*. Cho đến khi ông Lê văn Trung* và nhóm phò loan được lệnh Vô hình hội kiến với đức Ngô Minh Chiêu* và cụ Vương quan Kỳ, nhóm phò loan được cô chỉ dẫn ngôi mộ và đã biết cô là cháu cụ phủ Kỳ, rồi qua bài thi xây bàn tại nhà cụ Trân mà cô đã tâm sự với gia đình một cách hiểu thảo khiến không còn ai hồ nghi về sự hiện diện của cô trong sứ mạng* dẫn dắt nhóm phò loan trong thời kỳ phôi thai cơ Phổ Độ. Cho đến sau ngày Khai đạo năm Bính Dần (18-11-1926) cô ít về cơ vì nhận sứ mạng khai giáo nơi khác...

• Vương Thông (584 - 616)

王通 - Tự là Trọng Yêm, người tỉnh Sơn Tây (*Trung Hoa*). Năm 20 tuổi, ông có dâng bài Thái Bình Thập Nhị Sách lên vua Văn Đế nhà Tùy nhưng bị bác. Ông bèn làm bài ca Đông chính rồi bỏ về. Văn Đế nghe bài ca ấy triệu ông về cung nhưng ông không đi. Tính ông giản dị sống bình dân, khinh thường nếp sống quan lại trong triều. Ông ở nhà dạy học, vui thú tiêu dao ruộng vườn với việc giảng dạy. Ông mất năm 32 tuổi. Môn đệ góp nhặt

nhiều bài giảng và ghi chép đức hạnh của ông làm thành sách gọi là Văn Trung Từ Trung Thuyết, hiện còn truyền tụng. Đây là quyển sách nhại theo Luận Ngữ* trong đó đề cao nền Đạo học* Nho gia. Ông giải nghĩa Tam Tài: "Trời là thống nguyên khí, Đất là thống nguyên hình, Người là thống nguyên thức" (*Trung thuyết - Lập mệnh*). Nghĩa là trời chủ cái khí, đất chủ cái hình và con người chủ cái biết. Người là một vị trong tam tài, có trí thức hơn cả vạn vật, tất là phải giữ cách ăn ở cho hợp với đạo lý. Ông cho rằng sinh tử* có một nghĩa tích cực: "Sinh dĩ cứu thời, Tử dĩ minh đạo". Anh hùng* có nghĩa: "Tự tri giả anh, tự thắng giả hùng". Cái học của ông lấy sự chấp trung làm gốc: "Thiên biến vạn hóa, ngô thường thủ trung yên!". Có người hỏi cái đạo trường sinh của Lão giáo*, ông nói: "Nhân nghĩa không sửa, hiếu để không dựng, trường sinh mà làm gì?" (*Trung thuyết: Lễ nhạc*). Hỏi Phật là thế nào, ông bảo: "Phật là Thánh nhân vậy, nhưng đối với cái Đạo của Phật thì lịch sử và phong thổ của Tàu không phương dùng được" (*Trung thuyết: Chu Công*). Tuy nhiên, về hình nhi thượng thì ông lại cho Tam giáo* có chỗ tương đồng với nhau, cho nên khi đọc xong thiên Hồng Phạm rồi, ông nói: "Tam giáo, vi thị hồ khả nhất hỷ" (*Ba tôn giáo ở đây có lẽ làm một vậy*) (*Trung thuyết - Văn dịch*).